CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 25/2011/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 06 tháng 4 năm 2011*

NGHỊ ĐỊNH
Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Nghị định này quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Viễn thông đối với các hoạt động viễn thông sau đây:

a) Đầu tư, kinh doanh hàng hoá và dịch vụ viễn thông;

b) Thiết lập mạng viễn thông và cung cấp dịch vụ viễn thông;

c) Cung cấp dịch vụ viễn thông công ích và thực hiện nhiệm vụ viễn thông công ích;

d) Quản lý việc cấp phép, kết nối, giá cước, phí, lệ phí, tài nguyên, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng mạng và dịch vụ viễn thông;

đ) Quy hoạch, thiết kế, xây dựng cơ sở hạ tầng viễn thông.

2. Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài trực tiếp tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động viễn thông tại Việt Nam.

Điều 2. Cơ quan quản lý chuyên ngành về viễn thông

1. Cơ quan quản lý chuyên ngành về viễn thông là cơ quan thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông, có trách nhiệm tham mưu giúp Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quản lý nhà nước và tổ chức thực thi nhiệm vụ quản lý nhà nước về viễn thông trên phạm vi cả nước, bao gồm các nhiệm vụ sau đây:

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Điều 19. Vốn pháp định và mức cam kết đầu tư để thiết lập mạng viễn thông cố định mặt đất

1. Doanh nghiệp đề nghị cấp phép thiết lập mạng viễn thông cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, số thuê bao viễn thông phải đáp ứng điều kiện về vốn pháp định và mức cam kết đầu tư như sau:

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

2. Doanh nghiệp đề nghị cấp phép thiết lập mạng viễn thông di động mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện (mạng viễn thông di động ảo) phải đáp ứng điều kiện về vốn pháp định và mức cam kết đầu tư như sau:

a) Vốn pháp định: 300 tỷ đồng Việt Nam;

b) Mức cam kết đầu tư: Ít nhất 1.000 tỷ đồng Việt Nam trong 3 năm đầu tiên và ít nhất 3.000 tỷ đồng Việt Nam trong 15 năm để phát triển mạng viễn thông theo quy định tại giấy phép.

3. Doanh nghiệp đề nghị cấp phép thiết lập mạng viễn thông di động mặt đất có sử dụng băng tần số vô tuyến điện phải đáp ứng điều kiện về vốn pháp định và mức cam kết đầu tư như sau:

a) Vốn pháp định: 500 tỷ đồng Việt Nam;

b) Mức cam kết đầu tư: Ít nhất 2.500 tỷ đồng Việt Nam trong 3 năm đầu tiên và ít nhất 7.500 tỷ đồng Việt Nam trong 15 năm để phát triển mạng viễn thông theo quy định tại giấy phép.

Điều 21. Vốn pháp định và mức cam kết đầu tư để thiết lập mạng viễn thông cố định vệ tinh và di động vệ tinh

Doanh nghiệp đề nghị cấp phép thiết lập mạng viễn thông cố định vệ tinh và di động vệ tinh phải đáp ứng điều kiện về vốn pháp định và cam kết đầu tư như sau:

1. Vốn pháp định: 30 tỷ đồng Việt Nam;

2. Mức cam kết đầu tư: Ít nhất 100 tỷ đồng Việt Nam trong 3 năm đầu tiên để phát triển mạng viễn thông với quy mô, phạm vi quy định tại giấy phép.

Điều 22. Bảo đảm thực hiện giấy phép viễn thông

1. Doanh nghiệp viễn thông không thực hiện đúng các nội dung quy định tại giấy phép viễn thông hoặc cam kết của doanh nghiệp khi đề nghị cấp phép phải nộp tiền phạt vi phạm thực hiện giấy phép như sau:

a) Đối với giấy phép thiết lập mạng viễn thông cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, số thuê bao viễn thông; giấy phép thiết lập mạng viễn thông di động mặt đất có sử dụng kênh tần số vô tuyến điện; giấy phép thiết lập mạng viễn thông di động mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện; giấy phép thiết lập mạng viễn thông cố định vệ tinh; giấy phép thiết lập mạng viễn thông di động vệ tinh: Mức phạt tối đa không quá 1% mức cam kết đầu tư trong 3 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép nhưng không thấp hơn 150 triệu đồng Việt Nam;

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

b) Đối với giấy phép thiết lập mạng viễn thông cố định mặt đất có sử dụng băng tần số vô tuyến điện, số thuê bao viễn thông; giấy phép thiết lập mạng viễn thông di động mặt đất có sử dụng băng tần số vô tuyến điện: Trước khi nhận giấy phép, doanh nghiệp phải gửi số tiền tương ứng 5% mức cam kết đầu tư trong 3 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép vào tài khoản do Bộ Thông tin và Truyền thông chỉ định để trích nộp phạt nếu vi phạm. Mức phạt tối đa không quá 5% mức cam kết đầu tư trong 3 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép nhưng không thấp hơn 3 tỷ đồng Việt Nam.

2. Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn cụ thể nội dung và mức phạt vi phạm thực hiện giấy phép viễn thông.

Điều 23. Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông

1. Hồ sơ đề nghị cấp phép thiết lập mạng viễn thông

Doanh nghiệp nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông phải gửi 5 bộ hồ sơ tới cơ quan quản lý chuyên ngành về viễn thông và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp phép. Hồ sơ đề nghị cấp phép bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp giấy phép theo mẫu do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành;

b) Bản sao có chứng thực giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư của doanh nghiệp;

c) Bản sao có chứng thực điều lệ của doanh nghiệp;

d) Xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc văn bản hợp pháp chứng minh về vốn pháp định;

đ) Kế hoạch kinh doanh trong 5 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp giấy phép bao gồm các nội dung chính sau: Dự báo và phân tích thị trường; phương án kinh doanh; doanh thu; tổng kinh phí đầu tư và phân bổ kinh phí cho từng năm; hình thức đầu tư, phương án huy động vốn; nhân lực;

e) Kế hoạch kỹ thuật tương ứng với kế hoạch kinh doanh trong 5 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp giấy phép bao gồm các nội dung chính sau: Cấu hình mạng lưới, thiết bị theo từng năm, cả phần chính và phần dự phòng; phân tích năng lực mạng lưới, thiết bị; dung lượng các đường truyền dẫn; tài nguyên viễn thông; công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng; biện pháp bảo đảm chất lượng dịch vụ và an toàn, an ninh thông tin;

g) Văn bản cam kết thực hiện giấy phép theo mẫu do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định.

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

2. Hồ sơ đề nghị cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông

Doanh nghiệp nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông phải gửi 5 bộ hồ sơ tới cơ quan quản lý chuyên ngành về viễn thông và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp phép. Hồ sơ đề nghị cấp phép bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp giấy phép theo mẫu do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành;

b) Bản sao có chứng thực giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư của doanh nghiệp;

c) Bản sao có chứng thực điều lệ của doanh nghiệp;

d) Kế hoạch kinh doanh trong 5 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp giấy phép bao gồm các nội dung chính sau: Loại hình dịch vụ; phạm vi cung cấp dịch vụ; chất lượng dịch vụ; giá cước dịch vụ; dự báo và phân tích thị trường, doanh thu; tổng kinh phí đầu tư và phân bổ kinh phí cho từng năm; hình thức đầu tư, phương án huy động vốn; nhân lực; biện pháp bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp ngừng kinh doanh dịch vụ;

đ) Kế hoạch kỹ thuật tương ứng với kế hoạch kinh doanh trong 5 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp giấy phép bao gồm các nội dung chính sau: Cấu hình mạng viễn thông sẽ sử dụng theo từng năm, cả phần chính và phần dự phòng; phân tích năng lực mạng và thiết bị viễn thông; dung lượng các đường truyền dẫn; tài nguyên viễn thông; công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng; kết nối viễn thông; phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ; biện pháp bảo đảm an toàn, an ninh thông tin;

e) Dự thảo hợp đồng cung cấp dịch vụ viễn thông mẫu đối với các dịch vụ theo quy định tại Khoản 3 Điều 13 Nghị định này.

3. Trường hợp doanh nghiệp đồng thời đề nghị cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông công cộng để cung cấp một loại hình dịch vụ viễn thông cụ thể, hồ sơ đề nghị cấp phép có thể được gộp chung thành một bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông và giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông nhưng phải bao gồm đầy đủ các nội dung nêu tại các khoản 1, 2 Điều này.

4. Thời hạn và quy trình xử lý hồ sơ

a) Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan quản lý chuyên ngành về viễn thông xem xét và thông báo cho doanh nghiệp biết về tính hợp lệ của hồ sơ;

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

b) Trong thời hạn 45 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan quản lý chuyên ngành về viễn thông phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định hồ sơ và cấp phép hoặc trình Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông cấp phép cho doanh nghiệp. Đối với trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 19 và Khoản 3 Điều 20 Nghị định này, doanh nghiệp được cấp giấy phép viễn thông trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày doanh nghiệp hoàn thành nghĩa vụ bảo đảm thực hiện giấy phép theo thông báo của cơ quan quản lý chuyên ngành về viễn thông;

c) Trường hợp từ chối cấp phép, cơ quan quản lý chuyên ngành về viễn thông thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho doanh nghiệp đề nghị cấp phép biết.

5. Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông bao gồm các thông tin chính sau đây:

a) Tên doanh nghiệp, tên giao dịch của doanh nghiệp bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài (nếu có); địa điểm trụ sở chính, địa điểm chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam;

b) Số giấy phép, ngày cấp giấy phép, ngày hết hạn giấy phép;

c) Loại mạng viễn thông, phạm vi thiết lập mạng viễn thông (nếu có);

d) Phạm vi kinh doanh dịch vụ, loại hình dịch vụ được phép kinh doanh (nếu có);

đ) Các điều khoản, điều kiện doanh nghiệp phải tuân thủ khi thiết lập mạng viễn thông, cung cấp dịch vụ viễn thông.

6. Công bố nội dung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, doanh nghiệp phải đăng trên một trong các tờ báo viết hoặc báo điện tử trong ba số liên tiếp nội dung quy định tại các điểm a, b, c, d Khoản 5 Điều này.

Điều 24. Sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông

1. Trong thời hạn hiệu lực của giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, doanh nghiệp đã được cấp phép phải làm thủ tục đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông khi có những thay đổi sau:

a) Thay đổi tên doanh nghiệp được cấp phép;

b) Thay đổi phạm vi thiết lập mạng viễn thông, phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, loại hình dịch vụ đã được cấp phép theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông;

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

c) Các trường hợp thay đổi khác do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định.

2. Đối với trường hợp thay đổi địa chỉ trụ sở chính, thay đổi người đại diện theo pháp luật, doanh nghiệp không phải làm thủ tục sửa đổi giấy phép viễn thông nhưng phải thông báo cho cơ quan cấp phép trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày chính thức thay đổi.

3. Thủ tục sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép

a) Doanh nghiệp nộp hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông phải gửi 3 bộ hồ sơ tới cơ quan quản lý chuyên ngành về viễn thông và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp phép. Hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông bao gồm: Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép theo mẫu do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành; báo cáo tình hình hoạt động của doanh nghiệp; báo cáo mô tả chi tiết nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung và các tài liệu có liên quan khác;

b) Cơ quan quản lý chuyên ngành về viễn thông tiếp nhận và xét tính hợp lệ của hồ sơ trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ; thẩm định và quyết định sửa đổi, bổ sung hoặc trình Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quyết định sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép theo thẩm quyền quy định tại Khoản 1 Điều 18 Nghị định này trong thời hạn 40 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trường hợp từ chối sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép, cơ quan quản lý chuyên ngành về viễn thông có trách nhiệm trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho doanh nghiệp đề nghị sửa đổi, bổ sung biết.

4. Gia hạn giấy phép

a) Doanh nghiệp đã được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông muốn gia hạn giấy phép phải gửi 3 bộ hồ sơ đề nghị gia hạn tới cơ quan quản lý chuyên ngành về viễn thông ít nhất 60 ngày trước ngày giấy phép hết hạn và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ;

b) Hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép bao gồm: Đơn đề nghị gia hạn giấy phép theo mẫu do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành; báo cáo việc thực hiện giấy phép;

c) Cơ quan quản lý chuyên ngành về viễn thông tiếp nhận và xét tính hợp lệ của hồ sơ trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ; thẩm định và quyết định gia hạn hoặc trình Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quyết định gia hạn giấy phép trong thời hạn 40 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trường hợp từ chối gia hạn giấy phép, cơ quan quản lý chuyên ngành về viễn thông có trách nhiệm trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do cho doanh nghiệp đề nghị gia hạn biết.

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

5. Việc công bố nội dung sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông được thực hiện theo quy định tại Khoản 6 Điều 23 Nghị định này.

Điều 25. Cấp, sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép lắp đặt cáp viễn thông trên biển

1. Cấp phép lắp đặt cáp viễn thông trên biển

Tổ chức đề nghị cấp giấy phép lắp đặt cáp viễn thông trên biển phải gửi 5 bộ hồ sơ tới cơ quan quản lý chuyên ngành về viễn thông và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp phép. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép lắp đặt cáp viễn thông bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp phép lắp đặt cáp viễn thông trên biển theo mẫu do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành;

b) Đề án lắp đặt cáp viễn thông trên biển trong đó xác định rõ tính chất, mục tiêu và phạm vi của tuyến cáp, các vấn đề liên quan đến khảo sát biển và hoạt động ngầm dưới biển; danh sách thành viên góp vốn đầu tư tuyến cáp; thiết kế kỹ thuật và vị trí địa lý, dự kiến tọa độ tuyến cáp viễn thông đề nghị lắp đặt; phương án tổ chức thi công và phương án bảo đảm an ninh, môi trường biển.

2. Thời hạn và quy trình xử lý hồ sơ

a) Cơ quan quản lý chuyên ngành về viễn thông tiếp nhận và xét tính hợp lệ của hồ sơ trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ; gửi hồ sơ đến Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao và các cơ quan, tổ chức có liên quan trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trong thời hạn 30 làm việc ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao và các cơ quan, tổ chức có liên quan có trách nhiệm trả lời bằng văn bản;

b) Cơ quan quản lý chuyên ngành về viễn thông thẩm định và trình Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông xét cấp phép trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến trả lời của Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao và các cơ quan, tổ chức có liên quan. Trường hợp từ chối cấp giấy phép, cơ quan quản lý chuyên ngành về viễn thông có trách nhiệm trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho tổ chức đề nghị cấp giấy phép biết;

c) Căn cứ vào giấy phép đã cấp, cơ quan quản lý chuyên ngành về viễn thông phối hợp với Bộ Tổng tham mưu của Bộ Quốc phòng cho phép tàu, thuyền vào vùng biển Việt Nam để khảo sát, lắp đặt, bảo dưỡng và sửa chữa tuyến cáp viễn thông trên biển theo giấy phép và các quy định của pháp luật.

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Điều 27. Cấp, gia hạn giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông

1. Cấp phép thử nghiệm

Tổ chức muốn thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông phải gửi 3 bộ hồ sơ tới cơ quan quản lý chuyên ngành về viễn thông và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp phép. Hồ sơ gồm:

a) Đơn

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

4. Kết thúc thời gian th

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Điều 30. Phí quyền hoạt động viễn thông

1. Phí quyền hoạt động viễn thông được xác định theo quy định tại Khoản 1 Điều 41 Luật Viễn thông nhằm thi hành chính sách của Nhà nước về viễn thông trong

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

a) Mạng viễn thông cố định mặt đất thiết lập

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

d) Phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông khác thực hiện việc đổi số thuê bao viễn thông;

đ) Triển khai các [illegible] sử dụng, hỗ trợ quảng cáo, khuyến mại [illegible]

Trong mọi trường hợp (dù có hay không có hợp đồng bằng văn bản), căn cứ [illegible]

[illegible] cho cơ quan quản lý chuyên ngành về viễn [illegible] viễn thông.

[illegible] không phải bồi thường thiệt hại gián tiếp [illegible] do việc đổi số thuê bao viễn thông.

[illegible] giá của [illegible]

[illegible] 10.000 số thuê bao [illegible] một tỉnh, thành [illegible]

c) Báo cáo bằng văn bản [illegible] thông về kết quả đổi số thuê b[illegible]

5. Doanh nghiệp viễn th[illegible] hoặc nguồn lợi không thể đượ[illegible]

[illegible] kiện khu tế trên thị trường tại mới điểm [illegible] sản phẩm. Điều kiện [illegible] thuê bao viễn thông:

a) Trường hợp doanh nghiệp viễn thông đổi dưới [illegible] viễn thông đã cấp cho thuê bao viễn thông trong [illegible]

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

2. Đổi số thuê bao viễn thông có thay đổi độ dài, cấu trúc số thuê bao viễn thông:

Cơ quan quản lý chuyên ngành về viễn thông có trách nhiệm xây dựng kế

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

gây mất an toàn do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành phải thực hiện việc

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

3. Doanh nghiệp viễn thông không được khuyến mại bằng việc giảm giá cước dịch vụ viễn thông [illegible]

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

5. Doanh nghiệp viễn thông có trách nhiệm báo cáo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu cho cơ quan quản lý chuyên ngành về viễn thông về danh sách và nội dung các chương trình khuyến mại dịch vụ viễn thông của doanh nghiệp.

6. Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm:

a) Quy định danh mục, đơn vị, hình thức khuyến mại, mức giá trị vật chất tối đa khuyến mại áp dụng cho từng đơn vị dịch vụ viễn thông, hàng hóa viễn thông chuyên dùng, mức tổng giá trị của dịch vụ, hàng hóa để khuyến mại trong một chương trình khuyến mại nhằm bảo đảm cạnh tranh lành mạnh trên thị trường dịch vụ viễn thông;

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương quy định về khuyến mại đối với việc cung cấp dịch vụ viễn thông, hàng hóa viễn thông chuyên dùng.

7. Cơ quan quản lý chuyên ngành về viễn thông có quyền đình chỉ việc thực hiện toàn bộ hoặc một phần chương trình khuyến mại của doanh nghiệp viễn thông nếu phát hiện có hành vi vi phạm quy định về khuyến mại dịch vụ viễn thông và hàng hoá viễn thông chuyên dùng.

Điều 38. Quản lý giá cước dịch vụ viễn thông

1. Hình thức quản lý giá cước

a) Quyết định giá cước: Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành giá cước, khung giá cước dịch vụ viễn thông công ích, giá cước kết nối;

b) Đăng ký giá cước: Doanh nghiệp viễn thông thống lĩnh thị trường trước khi ban hành và áp dụng giá cước dịch vụ viễn thông thống lĩnh thị trường có trách nhiệm đăng ký giá cước với cơ quan quản lý chuyên ngành về viễn thông;

c) Thông báo giá cước: Doanh nghiệp viễn thông tự quy định giá cước dịch vụ viễn thông ngoài giá cước nêu tại các điểm a, b Khoản này và có trách nhiệm thông báo cho cơ quan quản lý chuyên ngành về viễn thông.

2. Việc miễn giảm giá cước công ích được thực hiện như sau:

a) Doanh nghiệp viễn thông có trách nhiệm xây dựng và trình Bộ Thông tin và Truyền thông phương án miễn giảm giá cước phục vụ nhiệm vụ viễn thông công ích;

b) Bộ Thông tin và Truyền thông quyết định phương án miễn giảm giá cước phục vụ nhiệm vụ viễn thông công ích sau khi thống nhất với Bộ Tài chính;

c) Bộ Tài chính có trách nhiệm bảo đảm kinh phí bù đắp cho doanh nghiệp viễn thông thực hiện nhiệm vụ viễn thông công ích theo phương án miễn giảm giá cước đã được quyết định tại Điểm b Khoản này.

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

3. Doanh nghiệp viễn thông không được cung cấp dịch vụ viễn thông với giá cước thấp quá mức so với giá cước trung bình trên thị trường dịch vụ viễn thông Việt Nam theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

4. Ngoài quy định tại Khoản 3 Điều này, doanh nghiệp viễn thông thống lĩnh thị trường không được ban hành giá cước dịch vụ viễn thông thấp hơn giá thành.

5. Trong trường hợp giá cước dịch vụ viễn thông tăng hoặc giảm không hợp lý so với giá thành, tăng hoặc giảm bất bình thường so với giá cước trung bình gây mất ổn định thị trường viễn thông, làm thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ viễn thông, của doanh nghiệp viễn thông khác và của Nhà nước, Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm thực hiện hoặc chỉ đạo cơ quan quản lý chuyên ngành về viễn thông thực hiện các biện pháp kiểm soát, bình ổn giá cước viễn thông sau đây:

a) Quy định giá cước tối đa, giá cước tối thiểu, khung giá cước dịch vụ viễn thông;

b) Kiểm soát các yếu tố hình thành giá cước dịch vụ viễn thông;

c) Công khai thông tin về giá cước;

d) Quy định cơ chế quản lý giá cước viễn thông theo từng thời kỳ;

đ) Quyết định đình chỉ thực hiện mức giá cước dịch vụ viễn thông không hợp lý do doanh nghiệp viễn thông đã quyết định;

e) Quyết định tổ chức các đoàn kiểm tra, thanh tra việc chấp hành các quy định của Nhà nước về quản lý giá cước dịch vụ viễn thông.

Điều 39. Báo cáo nghiệp vụ viễn thông

1. Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chế độ và ban hành mẫu biểu báo cáo nghiệp vụ viễn thông.

2. Doanh nghiệp viễn thông có trách nhiệm:

a) Báo cáo định kỳ, đột xuất theo yêu cầu về nghiệp vụ viễn thông cho cơ quan quản lý chuyên ngành về viễn thông và chịu trách nhiệm về tính chính xác và kịp thời của nội dung và số liệu báo cáo;

b) Chứng minh tính chính xác của nội dung và số liệu báo cáo khi có yêu cầu;

c) Cung cấp trực tuyến nội dung và số liệu báo cáo tới thiết bị truy xuất thông tin theo yêu cầu của cơ quan quản lý chuyên ngành về viễn thông.

3. Cơ quan quản lý chuyên ngành về viễn thông có trách nhiệm sử dụng nội dung và số liệu báo cáo nghiệp vụ viễn thông để công bố báo cáo thống kê, phân tích, quản lý, điều tiết thị trường dịch vụ viễn thông.

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Chương VI
CÔNG TRÌNH VIỄN THÔNG

Điều 40. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động

1. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động bao gồm:

a) Quy hoạch xây dựng công trình viễn thông quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia, điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng của doanh nghiệp viễn thông, trong đó xác định cụ thể quy mô, phạm vi, vị trí đối với việc xây dựng, lắp đặt các công trình này;

b) Quy hoạch mạng ngoại vi trong đó xác định yêu cầu, điều kiện đối với vị trí lắp đặt cột ăng ten; tuyến, hướng xây dựng cột treo, cống, bể, ống cáp.

2. Công trình viễn thông quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia là công trình viễn thông có tầm quan trọng đặc biệt đối với hoạt động của toàn bộ mạng viễn thông quốc gia và ảnh hưởng trực tiếp đến việc phát triển kinh tế, xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng của đất nước, bao gồm:

a) Công trình hệ thống truyền dẫn viễn thông quốc tế, đường dài liên tỉnh;

b) Công trình hệ thống quản lý, điều khiển, định tuyến, chuyển mạch viễn thông quốc tế, đường dài liên tỉnh và khu vực;

c) Công trình hệ thống truyền dẫn, phát sóng tín hiệu phát thanh, truyền hình toàn quốc, khu vực và tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

d) Các công trình viễn thông khác theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

3. Điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng là địa điểm do doanh nghiệp viễn thông trực tiếp quản lý, khai thác để cung cấp dịch vụ viễn thông cho người sử dụng dịch vụ, bao gồm điểm cung cấp dịch vụ có người phục vụ và điểm cung cấp dịch vụ không có người phục vụ.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm lập, phê duyệt, công bố quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động năm năm một lần, có điều chỉnh bổ sung hằng năm và đưa nội dung quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động có liên quan vào quy hoạch giao thông, quy hoạch xây dựng chi tiết tỷ lệ 1/2000, 1/500 của địa phương.

5. Căn cứ quy hoạch phát triển viễn thông quốc gia, quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn, doanh nghiệp viễn thông có trách nhiệm xây dựng quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tại địa phương của doanh nghiệp và trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

6. Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Bộ Xây dựng hướng dẫn cụ thể việc xây dựng quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

7. Bộ Giao thông vận tải, Bộ Xây dựng có trách nhiệm phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đưa nội dung quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động có liên quan vào quy hoạch giao thông, quy hoạch xây dựng trên phạm vi vùng và toàn quốc.

Điều 41. Cấp phép xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động

1. Trước khi khởi công xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động, chủ đầu tư phải có giấy phép xây dựng, trừ các trường hợp sau:

a) Tuyến cột treo cáp viễn thông, hệ thống cột ăng ten không nằm trong khu vực đô thị, phù hợp với quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động của doanh nghiệp đã được phê duyệt và dự án đầu tư xây dựng đã được phê duyệt;

b) Cột ăng ten không cồng kềnh theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông được lắp đặt trong và trên nóc tòa nhà tại khu vực đô thị nhưng không làm thay đổi kiến trúc, kết cấu chịu lực, an toàn của công trình xây dựng, cảnh quan môi trường xung quanh và phù hợp với quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động của doanh nghiệp đã được phê duyệt;

c) Điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng không có người phục vụ nằm trong quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động của doanh nghiệp đã được phê duyệt và có thiết kế mẫu đã được phê duyệt;

d) Công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động được lắp đặt để cung cấp dịch vụ viễn thông trong trường hợp khẩn cấp;

đ) Các công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động khác theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Bộ Xây dựng quy định cụ thể và hướng dẫn việc cấp phép xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ theo thẩm quyền các quy định không còn phù hợp của địa phương về quy hoạch, quy trình, thủ tục cấp phép xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động; chỉ đạo việc phối hợp liên ngành để doanh nghiệp sử dụng đất và xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tại địa phương trên cơ sở bảo đảm mỹ quan đô thị và phù hợp với quy hoạch xây dựng trên địa bàn.

Điều 42. Thiết kế, xây dựng, sử dụng công trình viễn thông

1. Tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng tòa nhà có nhiều chủ sử dụng (chung cư, tòa nhà văn phòng, khách sạn) có trách nhiệm thiết kế, lắp đặt hệ thống cáp viễn thông, điểm truy nhập trong toà nhà. Giá thuê sử dụng mạng cáp trong tòa nhà được xác định trên cơ sở giá thành.

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

2. Tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng toà nhà cao tầng có nhiều chủ sử dụng (chung cư, tòa nhà văn phòng, khách sạn), công trình xây dựng công cộng có trách nhiệm bố trí mặt bằng để doanh nghiệp viễn thông lắp đặt cột ăng ten trên nóc toà nhà, lắp đặt thiết bị thu, phát sóng trong toà nhà, trong công trình xây dựng công cộng nếu việc lắp đặt là khả thi về kỹ thuật.

3. Chủ đầu tư xây dựng công trình giao thông, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu đô thị có trách nhiệm bố trí mặt bằng để doanh nghiệp viễn thông xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

4. Việc sử dụng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động phải bảo đảm nguyên tắc người sử dụng dịch vụ được tự do lựa chọn doanh nghiệp viễn thông, thúc đẩy cạnh tranh trong thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ viễn thông của các doanh nghiệp viễn thông trong các tòa nhà, công trình xây dựng công cộng, công trình giao thông, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu đô thị.

5. Trường hợp doanh nghiệp viễn thông không đạt được thoả thuận với tổ chức, cá nhân có liên quan về nội dung quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều này, doanh nghiệp có quyền yêu cầu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét giải quyết, đồng thời thông báo cho cơ quan quản lý chuyên ngành về viễn thông.

6. Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm chỉ đạo giải quyết, xử lý kịp thời các trường hợp cản trở trái pháp luật, gây rối, phá hoại việc xây dựng và sử dụng hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn.

Điều 43. Sử dụng chung cơ sở hạ tầng kỹ thuật

1. Chủ đầu tư công trình hạ tầng kỹ thuật có trách nhiệm quy hoạch, thiết kế, đầu tư, xây dựng hạ tầng kỹ thuật bảo đảm việc sử dụng chung để lắp đặt cáp và thiết bị viễn thông phù hợp với quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động đã được phê duyệt.

2. Cáp viễn thông được phép đi dọc đường, phố, hè phố, cầu, cống và các đường giao thông. Bộ Giao thông Vận tải hướng dẫn tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác công trình giao thông cho doanh nghiệp viễn thông sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật giao thông để lắp đặt cáp viễn thông.

3. Cáp viễn thông được phép lắp đặt trên cột điện tại các khu vực chưa thể hạ ngầm hoặc không thể xây dựng cột treo cáp viễn thông riêng biệt trên cơ sở bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật được áp dụng. Bộ Công Thương hướng dẫn Tập đoàn Điện lực Việt Nam và tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác hệ thống cột điện cho doanh nghiệp viễn thông sử dụng chung cột điện để lắp đặt cáp viễn thông.

4. Cáp viễn thông, thiết bị viễn thông được phép lắp đặt trong công trình công cộng ngầm, công trình giao thông ngầm, công trình đầu mối kỹ thuật ngầm, phần ngầm của các công trình xây dựng trên mặt đất, công trình đường dây, cáp, đường ống kỹ thuật ngầm, hào và tuy-nen kỹ thuật.

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

5. Bộ Xây dựng hướng dẫn tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng, khai thác công trình ngầm cho doanh nghiệp viễn thông sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật để lắp đặt cáp và thiết bị viễn thông.

6. Giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật công cộng để lắp đặt cáp và thiết bị viễn thông được xác định trên cơ sở giá thành nhằm thúc đẩy sử dụng chung cơ sở hạ tầng kỹ thuật giao thông, cung cấp năng lượng, chiếu sáng công cộng, cấp nước, thoát nước, viễn thông và các cơ sở hạ tầng kỹ thuật khác.

7. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan ban hành cơ chế, nguyên tắc kiểm soát và quản lý giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật công cộng.

8. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm quản lý, quy định cụ thể và tổ chức thực hiện việc sử dụng chung cơ sở hạ tầng viễn thông với các cơ sở hạ tầng kỹ thuật khác tại địa phương.

Điều 44. Hạ ngầm, chỉnh trang đường cáp viễn thông

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch hạ ngầm và chỉnh trang đường cáp viễn thông tại địa phương.

2. Tổ chức, cá nhân tham gia hạ ngầm, chỉnh trang đường cáp viễn thông được hỗ trợ ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.

3. Doanh nghiệp viễn thông có trách nhiệm tham gia phối hợp và đóng góp kinh phí để thực hiện hạ ngầm, chỉnh trang đường cáp viễn thông của mình.

4. Việc hạ ngầm, chỉnh trang đường cáp viễn thông được thực hiện theo nguyên tắc bảo đảm tối đa việc sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật, phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật trong lĩnh vực viễn thông và xây dựng.

Chương 7
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 45. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2011.

2. Nghị định này thay thế Nghị định số 160/2004/NĐ/CP ngày 03 tháng 9 năm 2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Bưu chính, Viễn thông về viễn thông; các quy định về đầu tư trong viễn thông trong Nghị định 121/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về hoạt động đầu tư trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông; các quy định về viễn thông trong Nghị định 97/2009/NĐ-CP về quản lý dịch vụ Internet, quản lý nội dung thông tin trên Internet.

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

3. Trong thời hạn 2 năm, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, doanh nghiệp đã được cấp giấy phép viễn thông không phù hợp với quy định của Nghị định này phải làm thủ tục đề nghị cấp, đổi giấy phép theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

4. Bộ Thông tin và Truyền thông phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan trình Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục các doanh nghiệp viễn thông và thời hạn các doanh nghiệp viễn thông đó phải cơ cấu lại việc sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân nhằm bảo đảm thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định này. Doanh nghiệp viễn thông thuộc danh mục do Thủ tướng Chính phủ quyết định có trách nhiệm xây dựng kế hoạch và thực hiện cơ cấu lại việc sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 46. Tổ chức thực hiện

Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Nghị định này.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính QG;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTN (5b).TR 230

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn